

Số: /QĐ-UBND

Hội An, ngày tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Đội tuyển tham dự Kỳ thi học sinh giỏi
cấp thành phố năm học 2025-2026**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Kế hoạch số 690/KH-SGDĐT ngày 20/8/2025 về việc tổ chức Kỳ thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi (HSG) quốc gia trung học phổ thông và Kỳ thi chọn HSG cấp thành phố trong năm học 2025-2026,

Căn cứ Công văn số 695/SGDĐT-QLCL ngày 26/02/2026 về việc thời gian biểu thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức Kỳ thi chọn HSG cấp thành phố năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 743/SGDĐT-QLCL ngày 03/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi (HSG) cấp thành phố năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Phòng Văn hoá - Xã hội phường Hội An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đội tuyển tham dự Kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố năm học 2025 - 2026, gồm 89 học sinh (Danh sách đính kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Đội tuyển có nhiệm vụ tham gia ôn tập, bồi dưỡng và tham dự Kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố năm học 2025 - 2026 theo Kế hoạch.

Các trường: THCS Kim Đồng, THCS Nguyễn Duy Hiệu, TH-THCS Lý Thường Kiệt và TH-THCS Trần Quốc Toàn có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi, phối hợp phụ huynh học sinh hỗ trợ, cử giáo viên quản lý, theo dõi để học sinh tham gia ôn luyện và dự thi an toàn, đạt kết quả tốt nhất.

Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí hoạt động được cấp và từ nguồn xã hội hóa hợp pháp của các nhà trường (nếu có).

Điều 3. Phòng Văn hoá - Xã hội; các trường THCS, TH -THCS và các học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tổng Quốc Hưng

DANH SÁCH ĐỘI TUYỂN
THAM DỰ KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2026 của UBND phường Hội An)

Đơn vị dự thi: Phòng Văn hóa – Xã hội phường Hội An

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Trường	Khối lớp	Môn dự thi	Kết quả học kỳ I năm học 2025-2026		
									Điểm trung bình môn dự thi	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Lê Quỳnh An	18/02/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Toán	9.80	Tốt	Tốt
2	Phan Minh Châu	13/12/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Toán	9.80	Tốt	Tốt
3	Nguyễn Tùng Dương	16/08/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Toán	9.30	Tốt	Tốt
4	Phạm Hoàng Long	30/12/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Trần Quốc Toàn	9	Toán	9.90	Tốt	Tốt
5	Lê Hoàng Quân	28/02/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Toán	9.70	Tốt	Tốt
6	Nguyễn Tấn Tài	05/03/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Toán	9.80	Tốt	Tốt
7	Nguyễn Nhân Thành	02/11/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Toán	9.70	Tốt	Tốt
8	Nguyễn Việt Đức Thế	17/06/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Toán	9.80	Tốt	Tốt
9	Lê Phước Thịnh	04/06/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Toán	9.80	Tốt	Tốt
10	Vũ Phương Trang	05/05/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Lý Thường Kiệt	9	Toán	10.00	Tốt	Tốt

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Trường	Khối lớp	Môn dự thi	Kết quả học kỳ I năm học 2025-2026		
									Điểm trung bình môn dự thi	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập
11	Lê Trung Hiếu	23/03/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Khoa học tự nhiên 1	9.90	Tốt	Tốt
12	Nguyễn Nguyên Khải	24/10/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Khoa học tự nhiên 1	9.50	Tốt	Tốt
13	Cao Anh Khoa	03/06/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Khoa học tự nhiên 1	9.90	Tốt	Tốt
14	Ngô Uyên Linh	16/03/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Trần Quốc Toản	9	Khoa học tự nhiên 1	9.30	Tốt	Tốt
15	Nguyễn Đức Trung Nguyễn	26/01/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Lý Thường Kiệt	9	Khoa học tự nhiên 1	8.90	Khá	Tốt
16	Võ Hoàng Khải Nguyễn	18/07/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 1	8.70	Tốt	Tốt
17	Nguyễn Quang Sang	25/02/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 1	8.30	Tốt	Tốt
18	Đặng Minh Quỳnh Thy	28/08/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 1	9.40	Tốt	Tốt
19	Phạm Nguyên Trường	17/03/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 1	8.20	Tốt	Tốt
20	Nguyễn Đặng Thanh Tú	10/01/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 1	9.20	Tốt	Tốt
21	Vũ Hoàng Diệp	17/03/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Khoa học tự nhiên 2	9.50	Tốt	Tốt
22	Lương Thanh Hằng	20/10/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Lý Thường Kiệt	9	Khoa học tự nhiên 2	9.70	Tốt	Tốt

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Trường	Khối lớp	Môn dự thi	Kết quả học kỳ I năm học 2025-2026		
									Điểm trung bình môn dự thi	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập
23	Nguyễn Trọng Khôi	14/04/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Khoa học tự nhiên 2	9.40	Tốt	Tốt
24	Phạm Khánh Linh	27/10/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 2	9.50	Tốt	Tốt
25	Nguyễn Ngọc Kim Nguyễn	18/02/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 2	9.30	Tốt	Tốt
26	Nguyễn Thanh Phúc	08/12/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Khoa học tự nhiên 2	9.60	Tốt	Tốt
27	Trần Thị Mai Phương	30/07/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 2	9.90	Tốt	Tốt
28	Lê Thị Thảo Quỳnh	24/03/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Trần Quốc Toản	9	Khoa học tự nhiên 2	9.80	Tốt	Tốt
29	Mai Hà Thy	13/09/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 2	9.20	Tốt	Tốt
30	Nguyễn Hà Thanh Uyên	29/07/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 2	9.90	Tốt	Tốt
31	Lê Minh Việt Anh	28/11/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 3	8.40	Tốt	Tốt
32	Nguyễn Bảo Diệu Anh	20/01/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 3	9.80	Tốt	Tốt
33	Phạm Huy Hoàng	24/04/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Khoa học tự nhiên 3	9.90	Tốt	Tốt
34	Trương Quang Khải	13/09/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Khoa học tự nhiên 3	9.80	Tốt	Tốt

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Trường	Khối lớp	Môn dự thi	Kết quả học kỳ I năm học 2025-2026		
									Điểm trung bình môn dự thi	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập
35	Nguyễn Khánh Nam	21/02/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Khoa học tự nhiên 3	9.20	Tốt	Tốt
36	Phạm Thị Minh Thu	04/07/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 3	9.30	Tốt	Tốt
37	Phạm Minh Trí	04/03/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 3	9.70	Tốt	Tốt
38	Lê Thanh Trúc	24/09/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Lý Thường Kiệt	9	Khoa học tự nhiên 3	9.20	Tốt	Tốt
39	Ngô Phương Uyên	02/09/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	Trường THCS Kim Đồng	9	Khoa học tự nhiên 3	9.40	Tốt	Tốt
40	Nguyễn Việt Gia Bảo	24/09/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Tin học	9.80	Tốt	Tốt
41	Trương Thanh Hải Đăng	19/03/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Tin học	8.90	Tốt	Tốt
42	Tăng Quang Khải	17/01/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Tin học	9.80	Tốt	Tốt
43	Lê Quốc Hoàng Khang	08/01/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Tin học	9.30	Tốt	Tốt
44	Nguyễn Đình Anh Khoa	27/03/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Tin học	9.10	Tốt	Tốt
45	Nguyễn Đoàn Anh Khoa	26/03/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Tin học	9.80	Tốt	Tốt
46	Võ Đăng Khoa	23/02/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Tin học	8.10	Tốt	Tốt
47	Ngô Nguyên Khôi	27/03/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Tin học	9.80	Tốt	Tốt

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Trường	Khối lớp	Môn dự thi	Kết quả học kỳ I năm học 2025-2026		
									Điểm trung bình môn dự thi	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập
48	Nguyễn Bùi Ngọc Linh	16/05/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Trần Quốc Toàn	9	Tin học	9.90	Tốt	Tốt
49	Nguyễn Ngọc Tường Vy	15/11/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Lý Thường Kiệt	9	Tin học	9.50	Tốt	Tốt
50	Nguyễn Trần Lan Anh	10/07/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Ngữ văn	9.50	Tốt	Tốt
51	Huỳnh Bảo Duyên	16/10/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Ngữ văn	9.50	Tốt	Tốt
52	Nguyễn Thị Bảo Hân	29/08/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Trần Quốc Toàn	9	Ngữ văn	9.30	Tốt	Tốt
53	Nguyễn Thị Thanh Hằng	28/02/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Lý Thường Kiệt	9	Ngữ văn	9.30	Tốt	Tốt
54	Nguyễn Thục Khuê	09/09/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Ngữ văn	9.20	Tốt	Tốt
55	Nguyễn Ngọc Tường Lam	22/02/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Ngữ văn	9.50	Tốt	Tốt
56	Ngô Thanh Ngọc	05/06/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Ngữ văn	9.40	Tốt	Tốt
57	Phạm Trần Khánh Ngọc	14/12/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Trần Quốc Toàn	9	Ngữ văn	8.10	Tốt	Tốt
58	Trần Khương Nhi	01/11/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Ngữ văn	9.40	Tốt	Tốt
59	Võ Như An Nhiên	22/03/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Ngữ văn	9.30	Tốt	Tốt
60	Nguyễn Hồng Quân	03/09/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Ngữ văn	9.30	Tốt	Tốt
61	Lê Gia Bảo	21/03/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Lịch sử và Địa lí 1	9.60	Tốt	Tốt

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Trường	Khối lớp	Môn dự thi	Kết quả học kỳ I năm học 2025-2026		
									Điểm trung bình môn dự thi	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập
62	Nguyễn Trần Bảo Hân	11/07/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Lịch sử và Địa lí 1	9.50	Tốt	Tốt
63	Phan Phương Huy	17/06/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Lịch sử và Địa lí 1	9.70	Tốt	Tốt
64	Đỗ Mai Khôi	16/08/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Lịch sử và Địa lí 1	9.40	Tốt	Tốt
65	Nguyễn Huỳnh Bích Ngọc	20/06/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Lý Thường Kiệt	9	Lịch sử và Địa lí 1	9.70	Tốt	Tốt
66	Trần Phước Minh Nguyệt	01/08/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Lịch sử và Địa lí 1	9.60	Tốt	Tốt
67	Phan Nguyễn Như Quỳnh	22/10/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Lịch sử và Địa lí 1	9.80	Tốt	Tốt
68	Đoàn Nguyễn Cát Tiên	13/12/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Lịch sử và Địa lí 1	9.60	Tốt	Tốt
69	Ngô Dương Hương Vy	12/02/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Lịch sử và Địa lí 1	9.80	Tốt	Tốt
70	Trần Phan Mai Anh	12/09/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Lịch sử và Địa lí 2	9.60	Tốt	Tốt
71	Phạm Nguyễn Hạ Châu	09/10/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Lịch sử và Địa lí 2	9.60	Tốt	Tốt
72	Trần Ngọc Thái Hòa	28/10/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Lịch sử và Địa lí 2	9.40	Tốt	Tốt
73	Lưu Trần Đăng Khoa	14/08/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Lịch sử và Địa lí 2	9.00	Tốt	Tốt

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Trường	Khối lớp	Môn dự thi	Kết quả học kỳ I năm học 2025-2026		
									Điểm trung bình môn dự thi	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập
74	Trần Hoàng Khánh Linh	30/11/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Lịch sử và Địa lí 2	9.70	Tốt	Tốt
75	Đỗ Lê Ty Na	02/07/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Lịch sử và Địa lí 2	9.50	Tốt	Tốt
76	Lê Bảo Nhi	16/09/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Lịch sử và Địa lí 2	9.80	Tốt	Tốt
77	Nguyễn Thị Quỳnh Như	24/11/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Lý Thường Kiệt	9	Lịch sử và Địa lí 2	9.00	Tốt	Tốt
78	Phan Ngọc Vĩnh Phúc	11/05/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Lịch sử và Địa lí 2	9.40	Tốt	Tốt
79	Trần Thị Quỳnh Châu	11/11/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Trần Quốc Toàn	9	Tiếng Anh	9.30	Tốt	Tốt
80	Cai Ngọc Bảo Hân	05/12/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Tiếng Anh	9.60	Tốt	Tốt
81	Nguyễn Minh Huy	18/04/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Tiếng Anh	9.50	Tốt	Tốt
82	Lê Nguyễn Nguyên Lê	02/03/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Tiếng Anh	9.50	Tốt	Tốt
83	Huỳnh Khánh Linh	29/09/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Tiếng Anh	9.20	Tốt	Tốt
84	Dương Thị Khánh Ngân	20/06/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Lý Thường Kiệt	9	Tiếng Anh	9.90	Tốt	Tốt
85	Lê Tăng Hoàng Ngọc	29/11/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Nguyễn Duy Hiệu	9	Tiếng Anh	9.30	Tốt	Tốt
86	Nguyễn Thị Yến Nhi	13/01/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Tiếng Anh	9.20	Tốt	Tốt

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Trường	Khối lớp	Môn dự thi	Kết quả học kỳ I năm học 2025-2026		
									Điểm trung bình môn dự thi	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập
87	Võ Thị Thảo Nhi	06/06/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	TH và THCS Trần Quốc Toản	9	Tiếng Anh	9.20	Tốt	Tốt
88	Nguyễn Lê Đan Quỳnh	14/12/2011	Nữ	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Tiếng Anh	9.90	Tốt	Tốt
89	Lê Bá Tuệ	05/01/2011	Nam	Đà Nẵng	Kinh	THCS Kim Đồng	9	Tiếng Anh	9.70	Tốt	Tốt

Danh sách này có 89 thí sinh./.

Ghi chú: Cột Nơi sinh (5): ghi tên tỉnh/thành phố sau khi sáp nhập; Cột Khối lớp (8): ghi 9 hoặc 12.